

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày 27 - 6 - 2019

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
tranh chấp hợp đồng góp hội,
và tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Hằng

Ông Nguyễn Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST- DS, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Điều Thu T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Điều Thanh L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Điều Thanh L: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Điều Thu T trình bày:

- Ngày 25/6/2017 âm lịch, chị có cho chị Trần Thị Tuyết H vay số tiền 38.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng lời nói là không có tính lãi suất, đến ngày 25/10/2018 chị H sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho chị. Tuy nhiên, đến ngày 25/10/2018 chị H không trả tiền cho chị theo như đã thỏa thuận. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị H trả số tiền nêu trên nhưng chị H vẫn không thực hiện.

- Ngày 06/12/2016 âm lịch, chị có làm đầu thảo 01 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 30 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hụi khai đến kỳ thứ 3 thì chị H hốt hụi. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng không đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng. Đối với dây hụi này đến ngày 06/4/2019 âm lịch thì hụi mẫn.

- Ngày 22/6/2017 âm lịch, chị có làm đầu thảo 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 32 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hụi khai đến kỳ thứ 5 thì chị H hốt hụi. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng không đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Đối với dây hụi này đến ngày 22/12/2019 âm lịch thì hụi kết thúc.

- Ngày 10/02/2018 âm lịch, chị tiếp tục có làm đầu thảo 01 dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 34 thành viên tham gia, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hụi khai đến kỳ thứ 3 thì chị H hốt hụi. Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng không đóng. Chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng. Đối với dây hụi này thì chị còn phải đóng hụi chết cho chị H thêm 21 kỳ nữa thì hụi kết thúc.

- Ngày 25/6/2017 âm lịch, bà Phan Thị N có làm đầu thảo 01 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 42 thành viên tham gia, trong đó chị có tham gia 01 phần nhưng chị Trần Thị Tuyết H mượn 01 phần hụi nêu trên của chị. Hụi khai đến kỳ thứ 9 thì chị H hốt hụi (tuy nhiên chị là người trực tiếp đóng hụi chết thay cho chị H). Chị H đóng hụi chết cho chị đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng không đóng. Cho nên, chị đã đóng hụi chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Đối với dây hụi này thì chị còn phải đóng hụi chết cho chị H thêm 21 kỳ nữa thì hụi kết thúc.

Như vậy, tổng cộng 03 dây hụi do chị làm đầu thảo và 01 phần hụi mà chị H mượn của chị để hốt nêu trên thì chị đã đóng hụi chết thay cho chị H đến tháng 01/2019 âm lịch là 63.000.000 đồng, cộng với số tiền 38.000.000 đồng mà chị đã cho chị Hạnh mượn là 101.000.000 đồng.

Theo như đơn khởi kiện trước đây, chị yêu cầu Tòa án buộc chị H trả cho chị số tiền 101.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy việc chị H vay tiền cũng như chơi hụi do chị cho vay và làm đầu thảo có liên quan đến chồng của chị H là anh Điều Thanh L. Vì việc chị H vay tiền và chơi hụi mục đích là chi tiêu sinh hoạt

trong gia đình của chị H. Do đó, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc vợ chồng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L phải liên đới trả cho chị tổng số tiền là 101.000.000 đồng (trong đó, tiền của 04 dây hụi chị đã đóng hụi chết thay cho chị H tính đến tháng 01/2019 âm lịch là 63.000.000 đồng, tiền vay mượn là 38.000.000 đồng) trong thời gian 02 tháng trở lại.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019, ngày 04/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H, đồng thời chị H cũng là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) trình bày:

Về thời gian, số tiền vay mượn, số tiền hụi mà chị Điều Thu T cho chị vay cũng như chị T làm đầu thảo (mà chị tham gia hụi viên) là đúng như đơn khởi kiện cũng như lời trình bày và yêu cầu của chị T. Chị thống nhất tính đến tháng 01/2019 âm lịch thì chị còn thiếu chị T tổng số tiền là 101.000.000 đồng. Trong đó, tiền vay là 38.000.000 đồng, số tiền 03 dây hụi do chị T làm đầu thảo (chị là hụi viên) và 01 phần hụi mà chị mượn của chị T để hốt với tổng số tiền là 63.000.000 đồng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của chị hiện nay đang gặp khó khăn, hơn nữa chị cũng còn thiếu nợ nhiều người khác nên chị xin trả dần mỗi tháng cho chị T là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không có khả năng trả trong vòng 02 tháng trở lại theo như chị T yêu cầu. Việc chị vay tiền, tham gia chơi hụi do chị T cho vay và làm đầu thảo, cũng như mượn 01 phần hụi của chị T để hốt, mục đích chị sử dụng số tiền nêu trên là để chi tiêu trong gia đình như: Đi đám tiệc, mua đồ sinh hoạt trong gia đình, trả nợ, điều trị bệnh cho chồng của chị là anh L và các khoản sinh hoạt khác trong gia đình thì chồng chị là anh L không hay biết. Cho nên, chị đồng ý trả một mình mà không đề nghị Tòa án buộc anh L cùng trả nợ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án cần xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp đòi lại tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Việc nguyên đơn chị Điều Thu T yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L trả cho chị T tiền vay, số tiền 03 dây hụi do chị T làm đầu thảo (chị H là hụi viên), cũng như 01 phần hụi mà chị H mượn của chị T để hốt với tổng số tiền là 101.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay, tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có địa chỉ tại ấp T, xã TĐ, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội” là chưa đúng với lời trình bày của các bên đương sự, nên Hội đồng xét xử cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp đòi lại tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận:

Ngày 25/6/2017 âm lịch, chị Điều Thu T có cho chị Trần Thị Tuyết H vay số tiền 38.000.000 đồng (không tính lãi suất), đến ngày 25/10/2018 chị H sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho chị T. Tuy nhiên, chị H không trả tiền cho chị T theo như đã thỏa thuận, chị T đã nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H vẫn không thực hiện;

Ngày 06/12/2016 âm lịch, chị T có làm đầu thảo 01 dây hội 3.000.000 đồng/tháng, dây hội có 30 thành viên, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hội khai đến kỳ thứ 3 thì chị H hốt hội. Chị H đóng hội chết cho chị T đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị T đã đóng hội chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng. Đối với dây hội này đến ngày 06/4/2019 âm lịch thì hội kết thúc.

Ngày 22/6/2017 âm lịch, chị Điều Thu T có làm đầu thảo 01 dây hội 2.000.000 đồng/tháng, dây hội có 32 thành viên, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hội khai đến kỳ thứ 5 thì chị H hốt hội. Chị H đóng hội chết cho chị T đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị T đã đóng hội chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Đối với dây hội này đến ngày 22/12/2019 âm lịch thì hội kết thúc.

Ngày 10/02/2018 âm lịch, làm đầu thảo 01 dây hội 3.000.000 đồng/tháng, dây hội có 34 thành viên, trong đó chị Trần Thị Tuyết H tham gia 01 phần. Hội khai đến kỳ thứ 3 thì chị H hốt hội. Chị H đóng hội chết cho chị T đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. Chị T đã đóng hội chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng. Đối với dây hội này thì chị T còn phải đóng hội chết cho chị H thêm 21 kỳ nữa thì hội kết thúc.

Ngày 25/6/2017 âm lịch, bà Phan Thị N có làm đầu thảo 01 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, dây hội có 42 thành viên, trong đó chị T có tham gia 01 phần nhưng chị Trần Thị Tuyết H mượn 01 phần hội nêu trên của chị T. Hội khai đến kỳ thứ 9 thì chị H hốt hội (tuy nhiên chị T là người trực tiếp đóng hội chết thay cho chị H). Chị H đóng hội chết cho chị T đến tháng 6/2018 âm lịch thì ngưng đóng. chị T đã đóng hội chết thay cho chị H từ tháng 7/2018 âm lịch đến tháng 01/2019 âm lịch là 07 tháng x

1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng. Đối với đây hui này, chị T còn đóng hui chết cho chị H thêm 21 kỳ nữa thì hui kết thúc.

Các tình tiết, sự kiên nêu trên các bên đương sự đều thừa nhận, nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Tuyết H thừa nhận có vay tiền của chị Điều Thu T, có tham gia chơi hui do chị T làm đầu thảo cũng như có mượn chị T hốt dùm 01 chân hui đúng như đơn khởi kiện, lời trình bày và yêu cầu của chị T. Chị H thừa nhận tính đến tháng 01/2019 âm lịch thì chị còn thiếu chị T tổng cộng 101.000.000 đồng của ba khoản tiền nêu trên.

[4] Xét về nghĩa vụ trả nợ vay, nghĩa vụ của thành viên góp hui, chị H đã vi phạm vào các điều 280, 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 20, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Do đó, nguyên đơn chị Điều Thu T yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H trả tiền vay, tiền nợ hui tổng cộng 101.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Việc chị Trần Thị Tuyết H cho rằng hoàn cảnh kinh tế của gia đình chị đang gặp khó khăn, xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Yêu cầu này của chị H, phía nguyên đơn chị T không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Xét việc nguyên đơn chị Điều Thu T yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng của chị H) cùng với bị đơn chị Trần Thị Tuyết H liên đới thanh toán ba khoản tiền nêu trên là 101.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị H vay tài sản, chơi hui do chị T cho vay và làm đầu thảo, cũng như chị H nhờ chị T hốt dùm 01 chân hui, mục đích chị H sử dụng các khoản tiền này là để chi tiêu trong gia đình (trong đó có khoản tiền điều trị bệnh cho anh L). Do đó, đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên yêu cầu của Chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên, cần buộc anh Điều Thanh L và chị Trần Thị Tuyết H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn chị Điều Thu T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 101.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với những khoản tiền hui chết mà chị Điều Thu T đã góp thay cho chị Trần Thị Tuyết H phát sinh sau tháng 01/2019 âm lịch, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không có yêu cầu chị Trần Thị Tuyết H thanh toán sẽ được xem xét bằng vụ án khác nếu sau này chị T có đơn yêu cầu.

[9] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 20, Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 16, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Điều Thu T về việc yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L (chồng chị H) có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị T số tiền vay 38.000.000 đồng, tiền hụi viên do chị Hạnh chưa góp là 56.000.000 đồng và tiền hụi chết mà chị H đã nhờ chị T đứng ra hốt dùm (nhưng do chị T đóng thay) là 7.000.000 đồng, tổng cộng của ba khoản tiền nêu trên tính đến tháng 01/2019 âm lịch là 101.000.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu đồng*).

- Buộc bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới thanh toán cho chị Điều Thu T tổng số tiền là 101.000.000 đồng (*Một trăm lẻ một triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn chị Trần Thị Tuyết H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Điều Thanh L liên đới chịu 5.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn Chị Điều Thu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000682 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Điều Thu T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị Trần Thị Tuyết H và anh Điều Thanh L còn phải liên đới trả lãi cho chị T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua